BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA HỌC PHẦN * KHOÁ K11KDN
TÊN MÔN : KẾ TOÁN ĐVHC SỰ NGHIỆP
MÃ MÔN : KTDVHCSN * SỐ TC : 4

HỌC KỲ : 7
Thời gian : 13h00 - 26/10/2008 LẦN THI : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QÚA TRÌNH & KTHP									ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E			
					10%				15%	20%			55%	SỐ	CHỮ	
1	K09.404.6626	Phạm Thế	Bảo	23KT7	5				0	5			V	V	Vắng thi	
2	K10.404.0519	Lương Ngọc	Hà	24KK8	7				0	3			1	2	Hai	
3	K11.C66.1608	Trương Công	Hưng	K11KCD2	7				0	5			2	3	Ba	
4	K10.456.0843	Mai Thị	Trâm	K11KDN1	8				8	8			6	7	Bảy	
5	K11.456.1162	Đinh Phúc	Nguyên	K11KDN1	5				7	2			3	4	Bốn	
6	K11.456.1247	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	K11KDN1	7				8	1			3	4	Bốn	
7	K11.456.1252	Đỗ Thị Mai	Diễm	K11KDN1	8				8	7			8	8	Tám	
8	K11.456.1258	Đậu Thị Thuỳ	Dung	K11KDN1	10				8	5			8	8	Tám	
9	K11.456.1261	Nguyễn Cảnh Trường	Giang	K11KDN1	7				8	8			9	8	Tám	
10	K11.456.1265	Nguyễn Văn	Hào	K11KDN1	10				7	6			6	7	Bảy	
11	K11.456.1266	Nguyễn Thị Hương	Hải	K11KDN1	8				8	6			7	7	Bảy	
12	K11.456.1268	Phạm Quang	Hải	K11KDN1	6				5	4			P	P	Nợ HP	
13	K11.456.1270	Lưu Thị Thuý	Hạnh	K11KDN1	10				9	9			7	8	Tám	
14	K11.456.1271	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	K11KDN1	7				9	10			7	8	Tám	
15	K11.456.1273	Hà Thị Mỹ	Hạnh	K11KDN1	10				8	9			9	9	Chín	
16	K11.456.1274	Lê Thị Hồng	Hạnh	K11KDN1	10				8	7			4	6	Sáu	
17	K11.456.1287	Lê Thị Như	Hoàng	K11KDN1	10				8	7			8	8	Tám	
18	K11.456.1291	Lê Văn	Hùng	K11KDN1	10				7	3			3	4	Bốn	
19	K11.456.1292	Nguyễn Anh	Hùng	K11KDN1	10				7	3			3	4	Bốn	
20	K11.456.1294	Lê Thị	Hồng	K11KDN1	10				8	7			9	9	Chín	
21	K11.456.1300	Phạm Chí	Kiên	K11KDN1	10				8	7			6	7	Bảy	
22	K11.456.1301	Nguyễn Thu	Lan	K11KDN1	8				8	9			9	9	Chín	
23	K11.456.1314	Trần Thị Khánh	Ly	K11KDN1	10				8	10			7	8	Tám	
24	K11.456.1316	Trần Thị	Lý	K11KDN1	10				8	9			9	9	Chín	
25	K11.456.1319	Vũ Hữu	Lư	K11KDN1	5				7	0			P	P	Nợ HP	
26	K11.456.1337	Nguyễn Xuân	Ninh	K11KDN1	8				7	5			6	6	Sáu	
27	K11.456.1338	Lê Hàn	Ny	K11KDN1	10				8	5			9	8	Tám	
28	K11.456.1345	Nguyễn Lê	Phương	K11KDN1	8				8	9			8	8	Tám	
29	K11.456.1359	Lê Thị	Thanh	K11KDN1	10				8	5			8	8	Tám	
30	K11.456.1360	Lê Thị	Thanh	K11KDN1	10				9	10			9	9	Chín	
31	K11.456.1363	Hồ Thuỵ	Thảo	K11KDN1	7				8	6			6	6	Sáu	
32	K11.456.1376	Nguyễn Thị Hoài	Thu	K11KDN1	10				8	7			9	9	Chín	
33	K11.456.1380	Lê Thị Kim	Thuý	K11KDN1	10				8	8			7	8	Tám	
34	K11.456.1385	Phan	Thuận	K11KDN1	10				7	7			3	5	Năm	

Đà Nẵng, ngày 10/11/2008

NGƯỜI LẬP **NGƯỜI KIỂM TRA** **TRƯỞNG KHOA** **PHÒNG ĐÀO TẠO**

DƯƠNG T. Q. KHÁNH **HÀ TRÌNH P. LINH** **ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ** **NGUYỄN ÂN**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA HỌC PHẦN * KHOÁ K11KDN
TÊN MÔN : KẾ TOÁN ĐVHC SỰ NGHIỆP
MÃ MÔN : KTDVHCSN * SỐ TC : 4

HỌC KỲ : 7
Thời gian : 13h00 - 26/10/2008 LẦN THI : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QÚA TRÌNH & KTHP									ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E			
					10%				15%	20%			55%	SỐ	CHỮ	
35	K11.456.1387	Ngô Thị Kim	Thâu	K11KDN1	10				8	6			8	**8**	Tám	
36	K11.456.1406	Nguyễn Hồng	Trung	K11KDN1	8				8	4			4	**5**	Năm	
37	K11.456.1411	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	K11KDN1	10				8	7			8	**8**	Tám	
38	K11.456.1414	Trần Thị	Tuyết	K11KDN1	10				8	10			9	**9**	Chín	
39	K11.456.1422	Nguyễn Thị Lương	Viên	K11KDN1	10				8	7			6	**7**	Bảy	
40	K11.456.1434	Phạm Thị	Ân	K11KDN1	10				8	5			5	**6**	Sáu	
41	K11.456.1438	Hồ Minh	Đức	K11KDN1	7				8	7			8	**8**	Tám	
42	K11.456.1784	Lê Kim	Hùng	K11KDN1	7				7	2			7	**6**	Sáu	
43	K11.456.1785	Kiều Thế	Vinh	K11KDN1	5				8	5			7	**7**	Bảy	
44	K11.456.1799	Nguyễn Thị Hương	Lan	K11KDN1	10				8	2			4	**5**	Năm	
45	K11.456.1814	Nguyễn Phúc	Nguyên	K11KDN1	2				5	1			4	**3**	Ba	
46	K11.456.1195	Nguyễn Thị Thu	Sương	K11KDN2	10				10	9			9	**9**	Chín	
47	K11.456.1245	Phạm Hữu Tuấn	Anh	K11KDN2	8				8	7			5	**6**	Sáu	
48	K11.456.1250	Lê Viết Trọng	Cừ	K11KDN2	10				9	10			7	**8**	Tám	
49	K11.456.1253	Hà Ngô Xuân	Dung	K11KDN2	10				10	10			9	**9**	Chín	
50	K11.456.1254	Nguyễn Thị Phương	Dung	K11KDN2	10				10	10			10	**10**	Mười	
51	K11.456.1256	Trần Thị Thuỳ	Dung	K11KDN2	10				9	9			8	**9**	Chín	
52	K11.456.1257	Đỗ Lê Kim	Dung	K11KDN2	10				10	9			8	**9**	Chín	
53	K11.456.1263	Võ Thị Phương	Hà	K11KDN2	10				9	7			8	**8**	Tám	
54	K11.456.1275	Cao Thị Nguyên	Hiền	K11KDN2	10				10	10			9	**9**	Chín	
55	K11.456.1277	Nguyễn Thị Thu	Hiền	K11KDN2	8				9	9			8	**8**	Tám	
56	K11.456.1278	Nguyễn Thị Thu	Hiền	K11KDN2	10				9	6			6	**7**	Bảy	
57	K11.456.1286	Hoàng Hải	Hoài	K11KDN2	10				9	4			7	**7**	Bảy	
58	K11.456.1293	Nguyễn	Hùng	K11KDN2	8				9	7			8	**8**	Tám	
59	K11.456.1295	Nguyễn Khánh Thu	Hằng	K11KDN2	10				10	9			10	**10**	Mười	
60	K11.456.1297	Nguyễn Thị	Hằng	K11KDN2	10				10	9			8	**9**	Chín	
61	K11.456.1298	Nguyễn Thị Minh	Hưng	K11KDN2	10				9	8			9	**9**	Chín	
62	K11.456.1299	Nguyễn Thị Mai	Hương	K11KDN2	10				9	8			V	**V**	Vắng thi	
63	K11.456.1302	Võ Thị Ngọc	Lan	K11KDN2	10				9	8			9	**9**	Chín	
64	K11.456.1306	Trần Thị Trà	Linh	K11KDN2	10				9	5			8	**8**	Tám	
65	K11.456.1308	Đỗ Thị Bé	Liên	K11KDN2	10				9	7			8	**8**	Tám	
66	K11.456.1313	Lê Thị Mai	Ly	K11KDN2	10				9	6			8	**8**	Tám	
67	K11.456.1318	Đào Sơn	Lâm	K11KDN2	10				9	9			9	**9**	Chín	
68	K11.456.1320	Nguyễn Thị Hoa	Mai	K11KDN2	10				9	9			V	**V**	Vắng thi	

Đà Nẵng, ngày 10/11/2008

NGƯỜI LẬP **NGƯỜI KIỂM TRA** **TRƯỞNG KHOA** **PHÒNG ĐÀO TẠO**

DƯƠNG T. Q. KHÁNH **HÀ TRÌNH P. LINH** **ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ** **NGUYỄN ÂN**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA HỌC PHẦN * KHOÁ K11KDN
TÊN MÔN : KẾ TOÁN ĐVHC SỰ NGHIỆP
MÃ MÔN : KTDVHCSN * SỐ TC : 4

HỌC KỲ : 7
Thời gian : 13h00 - 26/10/2008 LẦN THI : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QÚA TRÌNH & KTHP									ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E			
					10%				15%	20%			55%	SỐ	CHỮ	
69	K11.456.1327	Đặng Thị Thanh	Nga	K11KDN2	10				10	8			9	**9**	Chín	
70	K11.456.1332	Lê Thị Thu	Nguyệt	K11KDN2	10				10	6			7	**8**	Tám	
71	K11.456.1333	Võ Thị Trang	Nhã	K11KDN2	10				9	3			6	**6**	Sáu	
72	K11.456.1335	Mai Thị Hồng	Nhung	K11KDN2	10				9	7			9	**9**	Chín	
73	K11.456.1339	Nguyễn Thị Kim	Oanh	K11KDN2	10				10	9			9	**9**	Chín	
74	K11.456.1341	Võ Quốc	Phong	K11KDN2	9				9	8			9	**9**	Chín	
75	K11.456.1346	Đoàn Thị Minh	Phượng	K11KDN2	8				10	7			10	**9**	Chín	
76	K11.456.1348	Đặng Thị Thu	Phượng	K11KDN2	10				9	9			9	**9**	Chín	
77	K11.456.1349	Bùi Đoàn Tâm	Quyên	K11KDN2	8				9	10			7	**8**	Tám	
78	K11.456.1350	Vũ Kiên	Quyết	K11KDN2	8				9	9			10	**9**	Chín	
79	K11.456.1352	Hồ Ngọc	Quý	K11KDN2	10				9	9			8	**9**	Chín	
80	K11.456.1356	Nguyễn Thị Hồng	Sương	K11KDN2	10				10	10			8	**9**	Chín	
81	K11.456.1358	Lê Thị Thu	Sương	K11KDN2	10				9	9			10	**10**	Mười	
82	K11.456.1362	Nguyễn Quốc	Thái	K11KDN2	7				8	4			5	**5**	Năm	
83	K11.456.1375	Nguyễn Thị Kim	Thoa	K11KDN2	10				9	9			8	**9**	Chín	
84	K11.456.1382	Hồ Thị	Thuỷ	K11KDN2	10				10	9			6	**8**	Tám	
85	K11.456.1396	Phạm Lê Huyền	Trang	K11KDN2	8				9	7			6	**7**	Bảy	
86	K11.456.1403	Phan Thị Tuyết	Trinh	K11KDN2	10				9	8			10	**9**	Chín	
87	K11.456.1407	Nguyễn Thành	Trung	K11KDN2	8				9	7			4	**6**	Sáu	
88	K11.456.1410	Lê Thuỵ Bích	Trâm	K11KDN2	10				9	10			10	**10**	Mười	
89	K11.456.1421	Trần Thị Hoàng	Vi	K11KDN2	10				10	8			8	**9**	Chín	
90	K11.456.1429	Hoàng Hải	Yến	K11KDN2	10				9	10			9	**9**	Chín	
91	K11.456.1430	Nguyễn Thị Hải	Yến	K11KDN2	10				9	10			8	**9**	Chín	
92	K11.456.1439	Nguyễn Anh	Đức	K11KDN2	10				9	9			9	**9**	Chín	
93	K10.456.9255	Nguyễn Thanh	Quân	K11KDN3	4				6	0			V	**V**	Vắng thi	
94	K11.456.1260	Nguyễn Thị Lan	Duyên	K11KDN3	10				8	7			7	**7**	Bảy	
95	K11.456.1281	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	K11KDN3	8				9	7			4	**6**	Sáu	
96	K11.456.1283	Trần Thị Ái	Hoa	K11KDN3	8				7	8			7	**7**	Bảy	
97	K11.456.1289	Võ Thị Diệu	Huyền	K11KDN3	6				7	7			5	**6**	Sáu	
98	K11.456.1290	Nguyễn Thị Minh	Huệ	K11KDN3	10				9	9			9	**9**	Chín	
99	K11.456.1303	Lê Phương	Linh	K11KDN3	10				8	5			7	**7**	Bảy	
100	K11.456.1310	Nguyễn Thị Thanh	Loan	K11KDN3	9				9	9			9	**9**	Chín	
101	K11.456.1311	Nguyễn Thị Ngọc	Long	K11KDN3	10				8	10			10	**10**	Mười	
102	K11.456.1324	Dương Thị Y	Mơ	K11KDN3	10				9	10			10	**10**	Mười	

Đà Nẵng, ngày 10/11/2008

NGƯỜI LẬP **NGƯỜI KIỂM TRA** **TRƯỞNG KHOA** **PHÒNG ĐÀO TẠO**

DƯƠNG T. Q. KHÁNH **HÀ TRÌNH P. LINH** **ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ** **NGUYỄN ÂN**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA HỌC PHẦN * KHOÁ K11KDN
TÊN MÔN : KẾ TOÁN ĐVHC SỰ NGHIỆP
MÃ MÔN : KTDVHCSN * SỐ TC : 4

HỌC KỲ : 7
Thời gian : 13h00 - 26/10/2008 LẦN THI : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QÚA TRÌNH & KTHP									ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E			
					10%				15%	20%			55%	SỐ	CHỮ	
103	K11.456.1325	Phạm Thị Tú	Na	K11KDN3	10				8	6			8	**8**	Tám	
104	K11.456.1326	Trần Thị Thuý	Nga	K11KDN3	10				8	8			8	**8**	Tám	
105	K11.456.1329	Nguyễn Trung	Nghĩa	K11KDN3	10				9	9			9	**9**	Chín	
106	K11.456.1331	Phan Thị Hồng	Ngọc	K11KDN3	10				8	7			8	**8**	Tám	
107	K11.456.1344	Dương Thị Mai	Phương	K11KDN3	10				8	6			4	**6**	Sáu	
108	K11.456.1347	Trần Hồng	Phượng	K11KDN3	10				9	10			9	**9**	Chín	
109	K11.456.1351	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	K11KDN3	10				8	8			7	**8**	Tám	
110	K11.456.1353	Nguyễn Thị Hương	Quế	K11KDN3	10				9	8			9	**9**	Chín	
111	K11.456.1361	Phan Thị Cẩm	Thanh	K11KDN3	10				8	7			5	**6**	Sáu	
112	K11.456.1367	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	K11KDN3	8				7	6			5	**6**	Sáu	
113	K11.456.1368	Vũ Nguyễn Hạnh	Thảo	K11KDN3	8				8	6			6	**7**	Bảy	
114	K11.456.1369	Văn Thị Thu	Thảo	K11KDN3	10				8	10			8	**9**	Chín	
115	K11.456.1370	Lê Thị Phương	Thảo	K11KDN3	10				8	8			9	**9**	Chín	
116	K11.456.1372	Tôn Nữ Phương	Thảo	K11KDN3	10				8	8			9	**9**	Chín	
117	K11.456.1378	Huỳnh Lê Thanh	Thuý	K11KDN3	10				8	9			8	**8**	Tám	
118	K11.456.1388	Phạm Trần Anh	Thư	K11KDN3	10				9	10			9	**9**	Chín	
119	K11.456.1389	Trần Thị Anh	Thư	K11KDN3	10				9	10			10	**10**	Mười	
120	K11.456.1390	Huỳnh Thị Thanh	Tiệp	K11KDN3	10				8	6			8	**8**	Tám	
121	K11.456.1398	Trịnh Thị	Trang	K11KDN3	10				9	10			10	**10**	Mười	
122	K11.456.1400	Huỳnh Lê Thuỳ	Trang	K11KDN3	10				9	9			10	**10**	Mười	
123	K11.456.1401	Mai Thị	Trang	K11KDN3	10				8	8			8	**8**	Tám	
124	K11.456.1402	Đoàn Thị Thu	Trang	K11KDN3	10				8	5			6	**7**	Bảy	
125	K11.456.1404	Nguyễn Thị Hải	Triều	K11KDN3	10				8	5			4	**5**	Năm	
126	K11.456.1408	Hoàng Thị Ngọc	Truyền	K11KDN3	10				8	5			5	**6**	Sáu	
127	K11.456.1412	Vũ Lê Bảo	Trân	K11KDN3	10				9	9			8	**9**	Chín	
128	K11.456.1413	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	K11KDN3	10				9	6			8	**8**	Tám	
129	K11.456.1415	Lê Anh	Tuấn	K11KDN3	8				9	7			9	**9**	Chín	
130	K11.456.1418	Phan Thị Thanh	Tâm	K11KDN3	10				8	6			8	**8**	Tám	
131	K11.456.1420	Bùi Thị Thanh	Tân	K11KDN3	8				8	4			5	**6**	Sáu	
132	K11.456.1423	Nguyễn Trần	Việt	K11KDN3	10				9	8			10	**9**	Chín	
133	K11.456.1424	Lê Thị Hồng	Vĩ	K11KDN3	10				8	8			10	**9**	Chín	
134	K11.456.1426	Lê Thị Vân	Vy	K11KDN3	9				8	8			8	**8**	Tám	
135	K11.456.1427	Nguyễn Thị	Vân	K11KDN3	10				9	8			9	**9**	Chín	
136	K11.456.1431	Tô Thị Hải	Yến	K11KDN3	10				7	8			6	**7**	Bảy	

Đà Nẵng, ngày 10/11/2008

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI KIỂM TRA	TRƯỞNG KHOA	PHÒNG ĐÀO TẠO
DƯƠNG T. Q. KHÁNH	HÀ TRÌNH P. LINH	ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ	NGUYỄN ÂN

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA HỌC PHẦN * KHOÁ K11KDN
TÊN MÔN : KẾ TOÁN ĐVHC SỰ NGHIỆP
MÃ MÔN : KTDVHCSN * SỐ TC : 4

HỌC KỲ : 7
Thời gian : 13h00 - 26/10/2008 LẦN THI : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QÚA TRÌNH & KTHP									ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E			
					10%				15%	20%			55%	SỐ	CHỮ	
137	K11.456.1433	Nguyễn Văn	Y	K11KDN3	8				8	3			4	**5**	Năm	
138	K11.456.1437	Đỗ Thị	Đông	K11KDN3	8				9	10			10	**10**	Mười	
139	K10.405.0762	Nguyễn Thị	Lựu	K11KDN4	7				8	5			7	**7**	Bảy	
140	K10.456.9257	Huỳnh Thị Thùy	Quyên	K11KDN4	7				8	4			1	**3**	Ba	
141	K11.456.0705	Trần Thị Thu	Hà	K11KDN4	10				8	8			9	**9**	Chín	
142	K11.456.1251	Phạm Thị Hồng	Diễm	K11KDN4	10				9	10			9	**9**	Chín	
143	K11.456.1255	Phạm Thị Mỹ	Dung	K11KDN4	10				8	8			9	**9**	Chín	
144	K11.456.1259	Lê Thị Ánh	Duyên	K11KDN4	10				8	7			8	**8**	Tám	
145	K11.456.1262	Lê Thị Ngọc	Hà	K11KDN4	10				9	9			10	**10**	Mười	
146	K11.456.1267	Nguyễn Thị Thanh	Hải	K11KDN4	6				8	9			8	**8**	Tám	
147	K11.456.1272	Phạm Thị Minh	Hạnh	K11KDN4	10				9	9			9	**9**	Chín	
148	K11.456.1279	Trương Thị Thu	Hiền	K11KDN4	10				8	7			7	**7**	Bảy	
149	K11.456.1282	Nguyễn Công Như	Hiển	K11KDN4	10				8	7			7	**7**	Bảy	
150	K11.456.1285	Nguyễn Thị	Hoà	K11KDN4	10				8	8			8	**8**	Tám	
151	K11.456.1288	Đặng Hữu Cẩm	Hoàng	K11KDN4	10				8	8			9	**9**	Chín	
152	K11.456.1304	Nguyễn Hoàng Mỹ	Linh	K11KDN4	9				8	9			8	**8**	Tám	
153	K11.456.1305	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	K11KDN4	8				9	10			9	**9**	Chín	
154	K11.456.1307	Trần Diễm	Linh	K11KDN4	10				8	7			10	**9**	Chín	
155	K11.456.1317	Trương Thị	Lý	K11KDN4	8				8	6			7	**7**	Bảy	
156	K11.456.1322	Đỗ Thị Anh	Minh	K11KDN4	10				8	6			10	**9**	Chín	
157	K11.456.1334	Nguyễn Thị	Nhạn	K11KDN4	10				8	8			10	**9**	Chín	
158	K11.456.1336	Trần Thị Hồng	Nhớ	K11KDN4	10				8	7			10	**9**	Chín	
159	K11.456.1340	Võ Thị Kim	Oanh	K11KDN4	10				9	7			9	**9**	Chín	
160	K11.456.1343	Nguyễn Hữu	Phúc	K11KDN4	10				8	5			8	**8**	Tám	
161	K11.456.1355	Nguyễn Thị	Sáu	K11KDN4	10				8	9			10	**10**	Mười	
162	K11.456.1357	Tạ Thị Thuỳ	Sương	K11KDN4	10				8	10			10	**10**	Mười	
163	K11.456.1383	Lê Thanh	Thuỷ	K11KDN4	8				8	5			8	**7**	Bảy	
164	K11.456.1393	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	K11KDN4	10				8	7			9	**9**	Chín	
165	K11.456.1395	Nguyễn Thị Đoan	Trang	K11KDN4	10				10	8			10	**10**	Mười	
166	K11.456.1397	Thân Thị Huyền	Trang	K11KDN4	7				8	6			6	**6**	Sáu	
167	K11.456.1399	Võ Thị Minh	Trang	K11KDN4	10				10	8			9	**9**	Chín	
168	K11.456.1405	Trần Thị Thu	Triều	K11KDN4	8				9	10			10	**10**	Mười	
169	K11.456.1409	Trần Thị	Trúc	K11KDN4	10				8	6			10	**9**	Chín	
170	K11.456.1417	Hồ Nguyễn Thị Ngọc	Tâm	K11KDN4	8				9	7			10	**9**	Chín	

Đà Nẵng, ngày 10/11/2008

NGƯỜI LẬP **NGƯỜI KIỂM TRA** **TRƯỞNG KHOA** **PHÒNG ĐÀO TẠO**

DƯƠNG T. Q. KHÁNH **HÀ TRÌNH P. LINH** **ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ** **NGUYỄN ÂN**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA HỌC PHẦN * KHOÁ K11KDN
TÊN MÔN : KẾ TOÁN ĐVHC SỰ NGHIỆP
MÃ MÔN : KTDVHCSN * SỐ TC : 4

HỌC KỲ : 7
Thời gian : 13h00 - 26/10/2008 LẦN THI : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QÚA TRÌNH & KTHP									ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E			
					10%				15%	20%			55%	SỐ	CHỮ	
171	K11.456.1419	Nguyễn Thị Phương	Tâm	K11KDN4	8				8	8			9	**9**	Chín	
172	K11.456.1428	Phạm Thị Hồng	Vân	K11KDN4	10				9	7			8	**8**	Tám	
173	K11.456.1436	Nguyễn Phương	Đông	K11KDN4	6				8	5			6	**6**	Sáu	
174	K11.455.1124	Đinh Quốc	Khánh	K11KKT1	5				8	5			6	**6**	Sáu	
175	K11.455.1177	Hồ Thị	Phương	K11KKT1	5				8	6			7	**7**	Bảy	
176	K11.455.1187	Nguyễn Thị Thuý	Phượng	K11KKT1	5				6	5			6	**6**	Sáu	
177	K11.455.1241	Nguyễn Đình	Văn	K11KKT1	4				8	5			6	**6**	Sáu	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ %
1	**Số sinh viên đạt**	163	92.09%
2	**Số sinh viên nợ**	14	7.91%
Tổng cộng :		**177**	**100.00%**

Đà Nẵng, ngày 10/11/2008

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI KIỂM TRA	TRƯỞNG KHOA	PHÒNG ĐÀO TẠO
DƯƠNG T. Q. KHÁNH	HÀ TRÌNH P. LINH	ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ	NGUYỄN ÂN